



---

# Template

Khóa học “Building Website With HTML & CSS”

- Trình bày được các giai đoạn của quy trình thiết kế web.
- Trình bày được khái niệm HTML template.
- Phân biệt được thuật ngữ thường dùng trong thiết kế web (template, layout, theme, style).
- Trình bày được khái niệm BEM (Block, Element, Modifier).
- Trình bày được các quy tắc cơ bản của BEM.
- Áp dụng được các quy tắc cơ bản của BEM khi viết CSS và HTML.

---

# Thảo luận

Quy trình thiết kế web gồm những giai đoạn nào?

# Quy trình thiết kế web

---

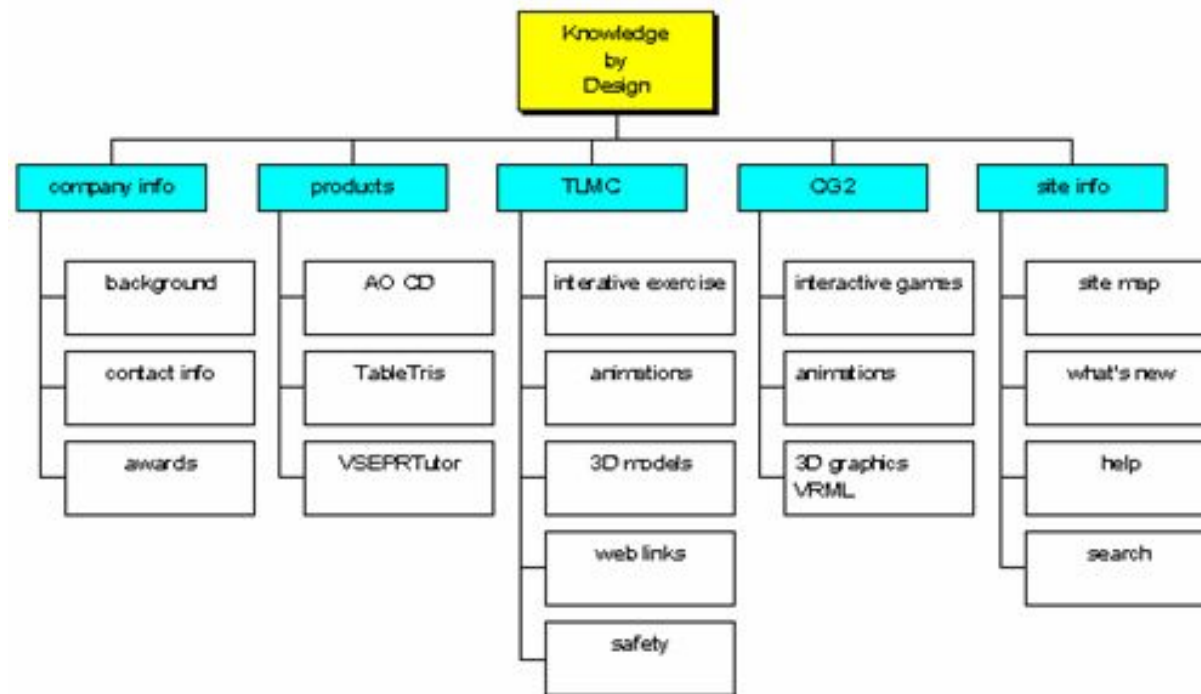


1. Tiếp nhận yêu cầu và làm rõ thông tin dự án
2. Lên kế hoạch và xác định phạm vi của dự án
3. Thiết kế wireframe và cấu trúc trang web
4. Thiết kế trang web (thiết kế đồ họa)
5. Phát triển trang web (HTML/CSS) và các nội dung bên trong web (video, bài viết, SEO,...)
6. Kiểm thử trang web
7. Đưa vào sử dụng
8. Bảo trì trang web

# Sitemap



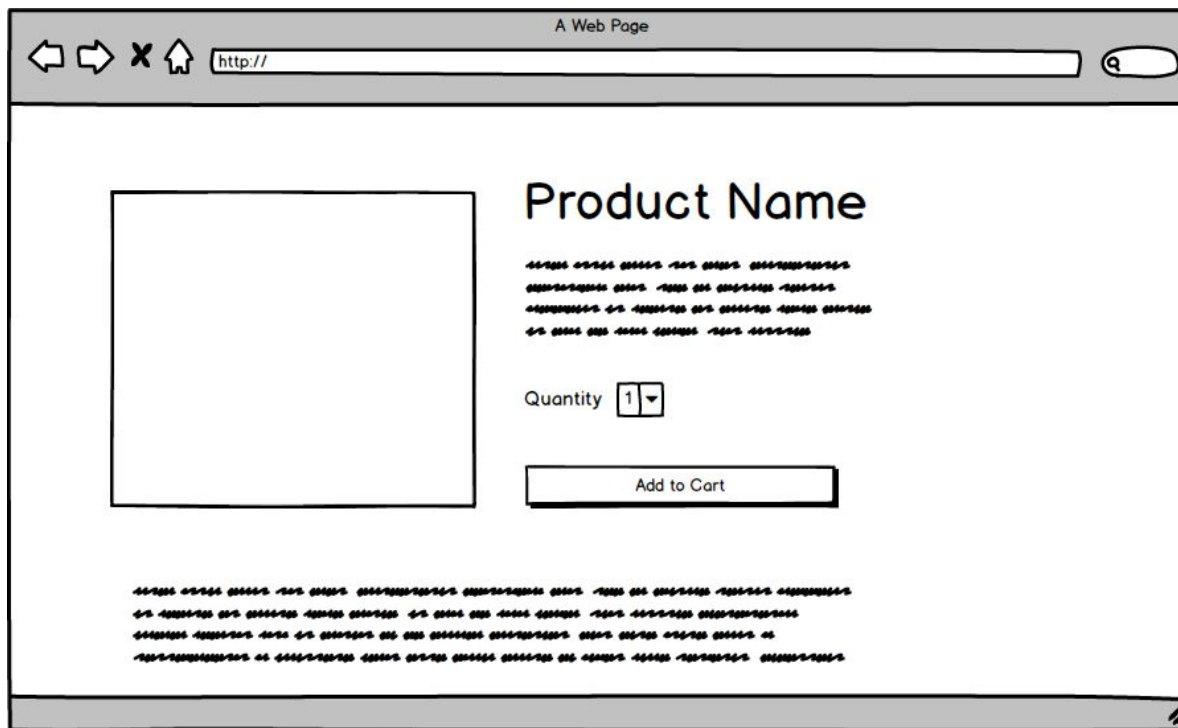
Sitemap là sơ đồ của website, trong đó thể hiện cấu trúc và cách tổ chức các trang con cụ thể.



# Wireframe



Wireframe là một công cụ trực quan để trình bày các chức năng, cấu trúc và nội dung được đề xuất của trang web hoặc trang web.





---

# Thảo luận

HTML Template là gì?

# HTML Template

---



- Template là website được xây dựng sẵn với bố cục cụ thể nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng với nhiều mục đích khác nhau.
- Một template bao gồm các mẫu layout được dàn trang, thiết kế sẵn theo bố cục, màu sắc, nội dung, chủ đề nhất định.
- Nhóm dự án (hoặc người dùng) tải HTML template về và tùy chỉnh nội dung theo nhu cầu của dự án.



# Lợi ích của Template trong thiết kế web

---



- Tiết kiệm thời gian xây dựng website
- Tiết kiệm chi phí
- Cập nhật nhanh chóng, nắm bắt xu hướng mới
- Chất lượng và có độ chính xác cao

# Phân biệt các thuật ngữ thường dùng

---



Trong thiết kế web, các thuật ngữ như *Template*, *Theme*, *Style* và *Layout* được sử dụng rất nhiều, mỗi thuật ngữ nhằm chỉ các bộ phận khác nhau để cấu thành một trang web hoàn thiện.

- **Layout** - Là cách bố trí dàn trang, bố cục trình bày tài liệu của một trang web.
- **Theme** - Là chủ đề của trang, của website giúp việc thay đổi giao diện website nhanh chóng, tiện lợi.
- **Style** - Là phong cách thiết kế, tạo dựng nên nét đặc trưng, ấn tượng của trang web
- **Templates**

---

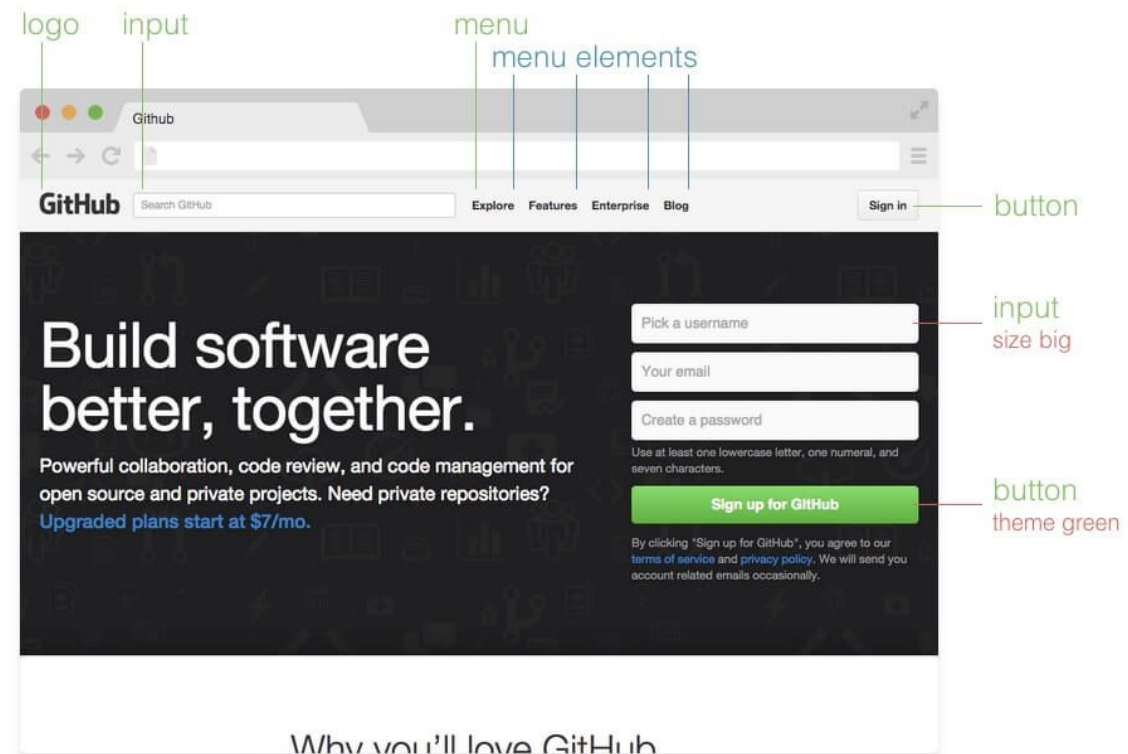
# Thảo luận

Có những quy ước (convention) nào khi đặt tên cho các thành phần trong CSS?

# BEM — Block Element Modifier



- BEM (Block Element Modifier) là một phương pháp giúp tạo các thành phần có thể sử dụng lại và chia sẻ code trong phát triển front-end.
- Tên class theo quy ước BEM bao gồm 3 thành phần:
  - block (khối)
  - element (phần tử)
  - modifier (biến thể).





# Lợi ích của việc sử dụng BEM

- Giúp giảm khả năng trùng lặp các CSS selector.
- Dễ dàng hình dung ra được cấu trúc của một block HTML.
- Dễ dàng nắm bắt được các thành phần phụ thuộc lẫn nhau.
- Làm “phẳng” các class - Giúp chúng ta không cần phải để ý tới độ ưu tiên (specificity) khi viết CSS.
- Giảm công sức của lập trình viên trong việc tìm tên cho class hoặc id trong CSS.

**Ngoài các lợi ích trên, BEM còn phù hợp để triển khai với SASS. Nội dung SASS sẽ được giới thiệu trong bài tiếp theo.**

# Block (Khối)

---



- Block là thực thể độc lập có ý nghĩa riêng.
- Các block có thể được lồng vào nhau và tương tác với nhau, nhưng về mặt ngữ nghĩa các block vẫn bình đẳng, không có sự ưu tiên hoặc thứ bậc.
- Ví dụ về block:
  - header
  - container
  - menu
  - checkbox
  - input

# Quy tắc đặt tên block

---



- Tên block có thể bao gồm các chữ cái Latin, chữ số và dấu gạch ngang.
- Tạo CSS class:
  - Thêm một tiền tố vào phía trước.
- Ví dụ
  - `.block`

# Element (Phần tử)

---



- Element là một phần của block và không có ý nghĩa độc lập.
- Có thể coi element là phần tử con của block, element được gắn về mặt ngữ nghĩa với block của nó.
- Ví dụ về element:
  - menu item
  - list item
  - checkbox caption
  - header title



# Quy tắc đặt tên element

---



- Tên element có thể bao gồm các chữ cái Latin, chữ số, dấu gạch ngang và dấu gạch dưới.
- Tạo class CSS
  - Tên block cộng với hai dấu gạch dưới, cộng với tên element.
- Ví dụ
  - `.block__elem`

# Modifier (Biến thể)

---



- Modifier là trạng thái trên một block hoặc element, được dùng để thay đổi vẻ ngoài, hành vi hoặc trạng thái của block hay element đó.
- Ví dụ về Modifier:
  - disabled
  - highlighted
  - checked
  - fixed
  - size big
  - color yellow

# Quy tắc đặt tên modifier

---



- Tên của modifier có thể bao gồm các chữ cái Latin, chữ số, dấu gạch ngang và dấu gạch dưới.
- Tạo class CSS
  - Tên block hoặc element cộng với hai dấu gạch ngang, cộng với tên modifier.
- Dấu cách trong các modifier dài (chứa 2 tiếng trở lên) được thay thế bằng dấu gạch ngang.
- Ví dụ:
  - `.block--mod { }`
  - `.block__elem--mod { }`
  - `.block--color-black { }`
  - `.block--color-red { }`

# Ví dụ BEM

---



```
/* class định nghĩa một block */  
.product { }
```

```
/* class định nghĩa element của block */  
.product__title { }  
.product__description { }  
.product__image { }
```

```
/* class định nghĩa các "biến thể" của block hoặc element */  
.product--style-1 { }  
.product--big { }  
.product--small { }  
.product__title--style-1 { }
```

Qua bài học này, chúng ta đã tìm hiểu những nội dung sau:

- Các giai đoạn của quy trình thiết kế web.
- Khái niệm HTML template.
- Phân biệt được thuật ngữ thường dùng trong thiết kế web (template, layout, theme, style).
- Khái niệm BEM (Block, Element, Modifier).
- Một số quy tắc cơ bản của BEM khi viết CSS và HTML.

# Hoạt động tiếp theo

- ❑ Xem các nội dung lý thuyết
- ❑ Làm theo hướng dẫn làm bài tập
- ❑ Chuẩn bị bài SASS